TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI * Số 22-CTr/TU	**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM** *Quảng Ngãi, ngày 21 tháng 5 năm 2026*

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

CỦA BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ TỈNH

thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 05 năm 2026-2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số" trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi

---

Thực hiện Kết luận số 18-KL/TW của Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 05 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng "2 con số*" (sau đây gọi tắt là Kết luận số 18-KL/TW)*, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xây dựng Chương trình hành động với các nội dung trọng tâm sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt và cụ thể hóa thực hiện hiệu quả Kết luận số 18-KL/TW gắn với triển khai Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong toàn Đảng bộ, hệ thống chính trị và các tầng lớp Nhân dân trên địa bàn tỉnh; đồng thời, đổi mới mạnh mẽ phương thức lãnh đạo, tổ chức thực hiện theo hướng khoa học, đồng bộ gắn với nhiệm vụ chính trị của từng cấp, từng ngành; kết hợp hài hòa giữa phương thức truyền thống và chuyển đổi số, đề cao tính chủ động nghiên cứu, hành động quyết liệt, hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển của tỉnh trong giai đoạn mới.

2. Yêu cầu

Việc cụ thể hóa phải bám sát Kết luận số 18-KL/TW và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030, các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan và tình hình thực tế của địa phương. Nội dung xây dựng phải có trọng tâm, trọng điểm, bảo đảm triển khai đồng bộ, xuyên suốt trong cả nhiệm kỳ. Các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cần được xác định rõ ràng, bảo đảm tính khả thi, thiết thực và hiệu quả, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và điều kiện thực tế. Đồng thời, thực hiện phân công theo nguyên tắc "6 rõ" (rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ thẩm quyền, rõ kết quả); tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và chủ động đánh giá kết quả thực hiện.

II. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU

Phấn đấu trở thành tỉnh phát triển khá, là cực tăng trưởng quan trọng của khu vực miền Trung - Tây Nguyên; đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2026 - 2030 từ 10%/năm trở lên gắn với phát triển nguồn nhân lực, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, lịch sử; bảo đảm an sinh xã hội, nâng cao toàn diện đời sống Nhân dân. Xây dựng nền hành chính hiện đại, hiệu lực, hiệu quả; môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, minh bạch; khu vực kinh tế tư nhân phát triển năng động, trở thành động lực quan trọng, kinh tế nhà nước được củng cố và phát huy vai trò dẫn dắt. Hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý, tăng trưởng dựa trên đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và ứng dụng khoa học - công nghệ; khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế, nhất là không gian phát triển mới và hành lang kinh tế Đông - Tây; hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững theo hướng tăng trưởng xanh. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; quản lý, sử dụng hiệu quả tài nguyên, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường; bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại.

(Chỉ tiêu cụ thể tại Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi lần thứ I và Phụ lục số 01, Phụ lục số 02 kèm theo Chương trình hành động này).

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

Tiếp tục thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh và các nghị quyết, kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, của Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy; trong đó, tập trung triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm sau.

(Các nhiệm vụ, thời hạn thực hiện/hoàn thành cụ thể nêu tại Phụ lục số 03 kèm theo Chương trình hành động này).

1. Nhiệm vụ và giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2026 - 2030

a) Thống nhất tư duy, nhận thức, khát vọng và hành động; đổi mới quản trị thực thi để thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế "2 con số"

Các cấp ủy, tổ chức đảng, người đứng đầu, cán bộ, đảng viên nhận thức đầy đủ tầm quan trọng và yêu cầu chiến lược, cấp bách thực hiện mục tiêu tăng trưởng "2 con số" gắn với ổn định vĩ mô, nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân; xác định đây là nhiệm vụ chính trị trọng tâm, phải cụ thể hoá trong các chương trình, kế hoạch công tác hằng năm, có nhiệm vụ, kết quả, sản phẩm cụ thể cho từng ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương gắn với trách nhiệm người đứng đầu; kiểm tra, giám sát, đánh giá dựa trên tiêu chí kết quả thực hiện. Tăng cường tuyên truyền, vận động, hành động nêu gương để củng cố niềm tin, khát vọng phát triển của cộng đồng doanh nghiệp, người dân và toàn xã hội.

Cơ quan lãnh đạo: Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Cơ quan tham mưu, thực hiện: Đảng ủy UBND tỉnh; đảng ủy các xã, phường, đặc khu.

Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030.

b) Tập trung hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ, hiện đại, cạnh tranh để tạo đột phá tăng trưởng

Nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành pháp luật, thực hiện tiêu chí đánh giá văn bản pháp luật sau khi ban hành. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống hành chính nhà nước từ cấp tỉnh đến cấp xã. Khẩn trương tháo gỡ căn bản các rào cản, điểm nghẽn về thể chế, cơ chế, chính sách. Tập trung rà soát, sửa đổi và hoàn thiện hệ thống pháp luật liên quan đến phát triển nền kinh tế số, đầu tư kinh doanh, đặc biệt trong lĩnh vực đất đai, quy hoạch, thương mại, khoáng sản, xây dựng… góp phần tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy sản xuất kinh doanh. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính; chuẩn hoá, số hoá toàn bộ quy trình giải quyết thủ tục trên môi trường số, liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan; rút ngắn tối đa thời gian, chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

Quyết liệt xử lý triệt để, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án tồn đọng, các dự án sử dụng đất trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, giám sát, bản án và các vi phạm pháp luật đất đai phát sinh trước khi Luật Đất đai năm 2024 có hiệu lực thi hành hoàn thành dứt điểm trong năm 2026; kiên quyết thu hồi các dự án chậm tiến độ, sử dụng đất không hiệu quả, góp phần khơi thông nguồn lực, tạo động lực cho tăng trưởng.

Đổi mới mạnh mẽ công tác tổ chức thực hiện, chú trọng giám sát và xử lý sau thanh tra, đẩy mạnh hơn nữa phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực. Kiên quyết, kịp thời thay thế cán bộ yếu kém, đùn đẩy, thiếu trách nhiệm, không hoàn thành nhiệm vụ; khen thưởng, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung; tập trung nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức gắn với cơ cấu lại, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới; phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa cấp tỉnh - cấp xã - doanh nghiệp - người dân; thực hiện các chính sách đột phá, bảo vệ người dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung.

Cơ quan lãnh đạo: Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Cơ quan tham mưu, thực hiện: Đảng ủy UBND tỉnh; đảng ủy xã, phường, đặc khu.

Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030.

c) Chuyển đổi mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực; phát triển các khu vực doanh nghiệp, các mô hình kinh tế mới

Xác lập mô hình tăng trưởng mới, cơ cấu lại nền kinh tế, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; chuyển mạnh phương thức quản lý nhà nước từ "tiền kiểm" sang "hậu kiểm" và tăng cường kiểm tra, giám sát.

Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành kinh tế; thúc đẩy và làm mới các động lực tăng trưởng truyền thống từ đầu tư, tiêu dùng, xuất khẩu và phát triển mạnh mẽ các ngành, lĩnh vực, mô hình kinh tế mới.

Tập trung phát triển các ngành công nghiệp xanh, công nghệ cao, có lợi thế cạnh tranh; ưu tiên các dự án lớn, mang tính động lực, giá trị gia tăng cao, công nghệ tiên tiến, thân thiện với môi trường (điện tử, cơ khí, hydrogen xanh, công nghiệp bán

dẫn…). Đẩy nhanh tiến độ, đưa vào vận hành các dự án nguồn điện, lưới điện và trạm biến áp trong Quy hoạch điện VIII; cải cách thủ tục đầu tư, tháo gỡ khó khăn về vốn, mặt bằng, nguyên liệu; tạo điều kiện để các dự án triển khai đúng tiến độ, các nhà máy hoạt động hiệu quả. Đẩy mạnh phát triển các cụm công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề nông thôn; khôi phục, phát triển làng nghề truyền thống gắn với sản phẩm phục vụ du lịch, xuất khẩu có giá trị gia tăng cao.

Nâng cao năng lực ngành xây dựng, nhất là xây dựng công nghiệp. Tổ chức thực hiện thành công các chương trình đầu tư công, công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với chiến lược phát triển hạ tầng và thu hút đầu tư nước ngoài (FDI).

Phát triển nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, tập trung, hữu cơ, sinh thái, tuần hoàn, công nghệ cao, thích ứng biến đổi khí hậu gắn với xây dựng thương hiệu địa phương, liên kết chuỗi giá trị, mở rộng thị trường. Chú trọng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, sản phẩm hàng hóa đặc sản của vùng đất Quảng Ngãi, như: cây ăn quả, cây dược liệu, cây lâm nghiệp,… phấn đấu đạt giá trị gia tăng trên một đơn vị diện tích cao nhất; gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất, chế biến và thị trường tiêu thụ sản phẩm. Có chính sách thu hút đầu tư vào nông nghiệp và phát triển toàn diện kinh tế nông thôn. Phát triển chăn nuôi theo phương thức công nghiệp, hữu cơ, an toàn sinh học, cơ giới hóa chăn nuôi và giết mổ. Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế rừng và đất lâm nghiệp theo hướng bền vững. Đầu tư sản xuất lâm nghiệp theo chuỗi giá trị có hiệu quả và khả năng cạnh tranh cao, tăng diện tích rừng trồng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững, phát triển tín chỉ carbon rừng. Nâng cao năng suất, hiệu quả nuôi trồng thủy sản; tiếp tục khai thác thủy sản bền vững, chống khai thác thủy sản bất hợp pháp, không báo cáo, không theo quy định (IUU).

Nâng cao hiệu quả xúc tiến thương mại, kết nối giao thương; mở rộng thị trường xuất khẩu, đặc biệt vào các thị trường như Nhật, Mỹ, EU. Phát triển mạnh thương mại điện tử. Khai thác tối đa vị trí chiến lược, điểm giao thoa của trục Bắc - Nam và hành lang kinh tế Đông – Tây, xây dựng trung tâm Logistics liên vùng, chuỗi giá trị "cửa khẩu - cảng biển - sân bay", ...

Phát triển các ngành dịch vụ theo hướng hiện đại hóa hệ sinh thái dịch vụ, phát triển một số ngành, sản phẩm dịch vụ có lợi thế cạnh tranh, hàm lượng tri thức, công nghệ và giá trị tăng cao. Đẩy mạnh phát triển kinh tế du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, tạo sản phẩm du lịch đặc sắc, độc đáo, kết hợp với du lịch sinh thái, du lịch biển đảo, du lịch tâm linh. Tăng cường thu hút các nhà đầu tư chiến lược, các tập đoàn uy tín, có tiềm lực, kinh nghiệm đầu tư hình thành các khu dịch vụ du lịch phức hợp, dự án dịch vụ du lịch quy mô lớn, các trung tâm mua sắm, giải trí, thể thao chất lượng cao tại các địa bàn trọng điểm; liên kết, hợp tác phát triển du lịch với Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, vùng Bắc Trung Bộ, vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, phát huy hiệu quả các tuyến du lịch quốc gia, tuyến liên tỉnh và tuyến liên vùng.

Đẩy nhanh xây dựng và hoàn thiện các chính sách phát triển các mô hình kinh tế mới. Phát triển mạnh các ngành kinh tế biển gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên biển. Đẩy mạnh thương mại biên giới, gắn với hạ tầng công nghệ, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Đổi mới kinh tế nhà nước, trọng tâm là quản trị doanh nghiệp nhà nước theo các chuẩn mực quốc tế, tăng cường hiệu quả và vai trò dẫn dắt của doanh nghiệp nhà nước trong một số lĩnh vực quan trọng; tiếp tục đẩy mạnh cổ phần hoá, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp, bảo đảm hiệu quả, không làm thất thoát, lãng phí. Phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân, doanh nghiệp vừa và nhỏ; có chính sách phù hợp, tạo môi trường minh bạch, thuận lợi, an toàn để doanh nghiệp tư nhân trong nước tiếp cận bình đẳng và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Thu hút có chọn lọc các dự án FDI; chú trọng thúc đẩy chuyển giao công nghệ, kết nối giữa khu vực FDI với khu vực trong nước.

Phát triển thị trường trong nước trở thành điểm tựa quan trọng cho tăng trưởng; chuyển dịch mạnh mẽ sang các loại hình phân phối hiện đại. Tổ chức các chương trình kích cầu tiêu dùng quy mô lớn, thực chất, hiệu quả. Mở rộng và đa dạng hoá thị trường xuất khẩu, chuỗi cung ứng, tận dụng có hiệu quả các FTA đã ký kết, phát triển các thị trường mới; ưu tiên xuất khẩu các nhóm sản phẩm có giá trị gia tăng, đổi mới sáng tạo, tiêu chuẩn xanh, tiêu chuẩn môi trường, xã hội và quản trị (ESG); tham gia sâu vào chuỗi cung ứng chiến lược.

Cơ quan lãnh đạo: Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Cơ quan tham mưu, thực hiện: Đảng ủy UBND tỉnh; đảng ủy các xã, phường, đặc khu.

Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030.

d) Thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn, chống khủng hoảng kinh tế; khơi thông và đa dạng hoá các chuỗi cung ứng, kênh dẫn vốn

Phối hợp chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả, linh hoạt giữa chính sách tài khoá, chính sách tiền tệ và các chính sách vĩ mô khác, bảo đảm cung ứng vốn cho nền kinh tế thực hiện mục tiêu tăng trưởng "2 con số" gắn với kiểm soát lạm phát, giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô; kiên quyết không để xảy ra khủng hoảng kinh tế trong mọi tình huống.

Nâng cao chất lượng, hiệu quả tín dụng, giữ vững ổn định, an toàn hệ thống ngân hàng. Phát triển lành mạnh và đa dạng hoá các nguồn vốn, tăng cường khả năng tiếp cận vốn cho doanh nghiệp trong nước, ưu tiên doanh nghiệp nhỏ và vừa, hộ kinh doanh, kinh tế tập thể.

Cơ quan lãnh đạo: Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Cơ quan tham mưu, thực hiện: Đảng ủy UBND tỉnh; đảng ủy các xã, phường, đặc khu.

Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030.

đ) Tập trung phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

Khẩn trương hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, tháo gỡ dứt điểm các nút thắt, rào cản trong hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo gắn với kết quả đầu ra và chấp nhận rủi ro có kiểm soát, trọng tâm là cơ chế quản lý, cơ chế tài chính, đầu tư, cơ chế cho các đơn vị sự nghiệp khoa học, công nghệ; khuyến khích

doanh nghiệp đầu tư phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, nhất là công nghệ mới, công nghệ cao, công nghệ chiến lược. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện và khai thác hiệu quả hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, nhất là hạ tầng số, cơ sở dữ liệu lớn. Tăng cường hợp tác công tư trong thu hút, đào tạo, trọng dụng nguồn nhân lực khoa học, công nghệ chất lượng cao. Kết nối mạng lưới chuyên gia, nhà khoa học trong nước và quốc tế. Ưu tiên tiếp thu, chuyển giao, ứng dụng sáng tạo, làm chủ các công nghệ nền tảng, công nghệ tiên tiến, công nghệ chiến lược, công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ số. Chú trọng nghiên cứu cơ bản, gắn với định hướng ứng dụng, làm chủ về công nghệ, nhất là những lĩnh vực Việt Nam có nhu cầu, tiềm năng và lợi thế. Triển khai hiệu quả các chính sách đột phá thúc đẩy chuyển đổi số gắn với bảo đảm an ninh, an toàn, khuyến khích đổi mới sáng tạo. Thúc đẩy khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong toàn xã hội; phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo.

Phấn đấu hoàn thành số hóa 100% các di tích đã được xếp hạng cấp tỉnh, cấp quốc gia, cấp quốc gia đặc biệt vào năm 2026; số hóa 100% di sản văn hóa phi vật thể trong danh mục quốc gia và được UNESCO ghi danh vào di sản văn hóa phi vật thể nhân loại vào năm 2027; số hóa 50% di sản văn hóa trong danh mục kiểm kê vào năm 2030; đến năm 2030, toàn bộ Di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh, các tài liệu hiện vật tại Bảo tàng tỉnh được số hóa.

Tập trung phát triển hạ tầng số phục vụ du lịch theo hướng đồng bộ với hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng công cộng của tỉnh. Tổ chức số hóa tài nguyên du lịch, khu, điểm du lịch, di tích, bảo tàng, hiện vật, lễ hội, làng nghề, sản phẩm du lịch, cơ sở lưu trú và các dữ liệu chuyên ngành phục vụ quản lý, xúc tiến quảng bá và hỗ trợ khách du lịch; từng bước xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu số ngành du lịch bảo đảm khả năng tích hợp, chia sẻ, khai thác và sử dụng hiệu quả.

Cơ quan lãnh đạo: Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Cơ quan tham mưu, thực hiện: Đảng ủy UBND tỉnh; đảng ủy các xã, phường, đặc khu.

Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030.

e) Xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng bộ trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam

Triển khai đồng bộ hệ giá trị văn hoá (dân tộc, dân chủ, nhân văn, khoa học), hệ giá trị quốc gia (hoà bình, thống nhất, độc lập, dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, hạnh phúc), hệ giá trị gia đình (ấm no, hạnh phúc, tiến bộ, văn minh), chuẩn mực con người Quảng Ngãi (yêu nước, đoàn kết, tự cường, nghĩa tình, trung thực, trách nhiệm, kỷ cương, sáng tạo). Kết hợp nhuần nhuyễn giữa giá trị truyền thống với giá trị hiện đại, sự hòa quyện giữa di sản văn hóa từ biển đảo đến cao nguyên, góp phần phát triển toàn diện bản sắc văn hóa và con người Quảng Ngãi trong kỷ nguyên mới. Bảo tồn lễ hội truyền thống và định hướng phát triển các lễ hội mới nhằm phát huy bản sắc văn hóa gắn với du lịch và phát triển kinh tế. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống, các nghề truyền thống và di sản văn hóa, tập trung kiểm kê, tư liệu hóa di sản; tổ chức truyền dạy cho thế hệ trẻ; tôn vinh

và hỗ trợ nghệ nhân; đồng thời, gắn bảo tồn với phát triển du lịch và sinh kế cho người dân. Qua đó, giúp di sản không chỉ được gìn giữ mà còn tiếp tục sống trong đời sống cộng đồng hiện nay.

Hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa cấp tỉnh gắn với xây dựng các công trình văn hóa, thể thao ngang tầm quốc gia. Phát triển các ngành công nghiệp văn hóa đóng góp có hiệu quả trong tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững của tỉnh; hình thành từ 02 thương hiệu quốc gia về công nghiệp văn hóa trong các lĩnh vực du lịch văn hóa gắn với kinh tế di sản. Bảo tồn và phát huy các di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh.

Cơ quan lãnh đạo: Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Cơ quan tham mưu, thực hiện: Đảng ủy UBND tỉnh, các cấp ủy, tổ chức đảng.

Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030.

g) Hiện đại hoá nền giáo dục quốc dân, nâng cao chất lượng đào tạo, thu hút, trọng dụng nhân tài

Phối hợp hoàn thiện đồng bộ hệ thống luật pháp, cơ chế, chính sách, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực, ưu đãi đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề cao trong các ngành nghề kỹ thuật, công nghệ và phục vụ các chương trình, dự án chiến lược, trọng điểm quốc gia; phát triển hệ thống các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao. Đặt hàng các doanh nghiệp lớn, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài và doanh nghiệp công nghệ tham gia đào tạo nghề. Nâng cao năng lực ngoại ngữ của học sinh, sinh viên, đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; đào tạo, trang bị kiến thức cơ bản về văn hoá, nghệ thuật và tăng cường hoạt động thể dục, thể thao, nâng cao thể chất cho học sinh. Chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo.

Cơ quan lãnh đạo: Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Cơ quan tham mưu, thực hiện: Đảng ủy UBND tỉnh; đảng ủy các xã, phường, đặc khu.

Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030.

h) Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy đô thị hoá và phát triển đô thị, liên kết vùng

Đẩy mạnh liên kết vùng, nội vùng, mở rộng và tổ chức lại không gian phát triển phù hợp với hệ thống hành chính mới. Phát triển hạ tầng giao thông trục dọc và trục ngang, kết nối các đô thị trung tâm, các khu công nghiệp, cảng biển, sân bay, nhà ga đường sắt và các cửa khẩu quốc tế. Tập trung nguồn lực triển khai các dự án trọng điểm của tỉnh, phối hợp với Bộ Xây dựng triển khai các dự án trọng điểm quốc gia trên địa bàn, đặc biệt là xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao đoạn đi qua tỉnh theo đúng tiến độ.

Phát triển hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp; chú trọng đầu tư nâng cấp hệ thống cấp thoát nước, điện, viễn thông, xử lý nước thải. Tiếp tục đẩy mạnh phát triển Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi.

Phát triển hạ tầng đô thị và nông thôn hiện đại, bền vững. Hình thành chuỗi đô thị biển hiện đại gắn với du lịch, dịch vụ ven biển; phát triển đô thị biên giới gắn với thương mại quốc tế. Phát triển hạ tầng cấp, thoát nước, hệ thống nghĩa trang, nhà tang lễ, trong đó ưu tiên phát triển nghĩa trang sinh thái phù hợp không gian đô thị và nông thôn. Ưu tiên phát triển hạ tầng, mở rộng hệ thống cấp nước sạch, tăng tỷ lệ người dân được tiếp cận và sử dụng nước từ hệ thống công trình cấp nước tập trung. Quản lý và nâng cao chất lượng sử dụng các dịch vụ hạ tầng kỹ thuật. Huy động và sử dụng các nguồn lực đầu tư xây dựng nông thôn mới, quan tâm đầu tư hạ tầng dịch vụ thiết yếu, sử dụng nước sạch ở vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; ưu tiên các xã đặc biệt khó khăn, rút ngắn khoảng cách chênh lệch về mức sống của Nhân dân vùng sâu, vùng xa, các địa phương giáp Lào, Campuchia.

Phát triển hạ tầng điện, năng lượng tái tạo. Tập trung phát triển nguồn điện theo Kế hoạch số 16-KH/TU ngày 21/11/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 của Bộ Chính trị về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Tận dụng lợi thế về điện gió, điện mặt trời, thủy điện nhỏ để đầu tư phát triển các dự án năng lượng tái tạo. Tiếp tục đầu tư nâng cấp lưới điện trung áp, hạ áp nông thôn; đầu tư dự án cấp điện cho các địa bàn nông thôn, miền núi.

Phát triển hạ tầng nông nghiệp công nghệ cao, gắn sản xuất với du lịch cộng đồng. Đầu tư hệ thống hạ tầng vùng sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản tập trung mang tính chiến lược, tầm nhìn dài hạn và liên kết vùng. Chú trọng đầu tư, nâng cấp hạ tầng thủy lợi, phòng chống thiên tai, hạ tầng các cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão và phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác chống khai thác IUU, hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường. Đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng cấp nước sạch đồng bộ, bền vững; ưu tiên các hệ thống cấp nước quy mô lớn, liên vùng, liên xã, công trình kết nối cấp nước từ đô thị về khu vực nông thôn; huy động, lồng ghép các nguồn lực để xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp và mở rộng các công trình cấp nước sạch tập trung; khuyến khích xã hội hóa, đa dạng hóa các thành phần kinh tế tham gia cấp nước; ưu tiên nguồn ngân sách Nhà nước để đầu tư tại các vùng khó khăn, biên giới, nơi không đảm bảo điều kiện thực hiện xã hội hóa. Nâng cao năng lực quản lý vận hành của các đơn vị cấp nước; ứng dụng các tiến bộ khoa học, công nghệ tiên tiến, từng bước hiện đại hóa và tự động hóa ngành cấp nước.

Xây dựng hạ tầng kỹ thuật các trung tâm du lịch lớn, các điểm du lịch, giao thông kết nối các trung tâm, khu, điểm du lịch trên địa bàn tỉnh. Hình thành hệ thống trung tâm thương mại, siêu thị, trung tâm phân phối hiện đại. Tăng cường huy động các nguồn lực, đẩy mạnh xã hội hóa để hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa - thể thao đồng bộ, bền vững từ tỉnh đến cơ sở; đầu tư, nâng cấp trung tâm văn hóa, thể thao đa năng, thư viện hiện đại, nhà văn hóa cộng đồng gắn với thiết chế văn hóa - thể thao, đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện con người Quảng Ngãi trong giai đoạn mới; đầu tư nâng cấp các công trình văn hóa, các di tích cách mạng, lịch sử trọng điểm, cấp quốc gia, đặc biệt là các di tích gắn liền với không gian lễ hội nhằm bảo tồn giá trị văn hóa và thu hút khách du lịch.

Hiện đại hóa trang thiết bị khám, chữa bệnh tại các bệnh viện, trung tâm chuyên khoa tuyến tỉnh và trạm y tế xã đáp ứng cơ bản nhu cầu về công tác khám, chữa bệnh

và chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân; phấn đấu thu hút đầu tư các bệnh viện chất lượng cao.

Đầu tư nâng cấp hệ thống trường học toàn tỉnh đáp ứng nhu cầu dạy và học trong tình hình mới; tập trung xoá phòng học tạm, phòng học mượn, thay thế phòng học xuống cấp; xây dựng nhà ở công vụ cho giáo viên và phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú; xây dựng trường nội trú liên cấp tại các xã biên giới; nâng cấp cơ sở vật chất theo hướng hiện đại, gắn với đạt chuẩn quốc gia.

Quyết liệt chỉ đạo rà soát, thống kê, phân loại tổng thể các dự án tồn đọng (kể cả các dự án trong và ngoài ngân sách), những vấn đề thuộc thẩm quyền thì phải quyết liệt xử lý dứt điểm, đồng thời báo cáo rõ vướng mắc và sớm đề xuất phương án xử lý đối với những vấn đề vượt thẩm quyền.

Cơ quan lãnh đạo: Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Cơ quan tham mưu, thực hiện: Đảng ủy UBND tỉnh, các cấp ủy, tổ chức đảng.

Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030.

i) Quản lý phát triển xã hội bền vững; bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, chăm lo đời sống Nhân dân

Triển khai các cơ chế, chính sách quản lý phát triển xã hội hiện đại, bao trùm, bền vững; cơ chế, chính sách về dân số và phát triển. Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa tầng, hiện đại, thích ứng linh hoạt, bảo đảm mọi người dân được tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu. Hoàn thiện hệ thống bảo hiểm xã hội theo hướng hiện đại, hội nhập, bao phủ toàn bộ lực lượng lao động. Phát triển thị trường lao động linh hoạt, đồng bộ, hiện đại và hội nhập. Chú trọng tạo việc làm có thu nhập ổn định, hỗ trợ người lao động trong khu vực phi chính thức, người sau độ tuổi lao động. Đẩy mạnh phát triển nhà ở xã hội và nhà ở thương mại giá rẻ.

Xây dựng hệ thống y tế công bằng, chất lượng, hiệu quả; tập trung công tác phòng bệnh, khám, chữa bệnh, kiểm soát tốt dịch bệnh. Triển khai hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khoẻ, dân số và phát triển. Tổ chức lại, nâng cao năng lực của hệ thống y tế cơ sở, y tế dự phòng; hình thành, phát triển các trung tâm y tế chuyên sâu hiện đại.

Bảo đảm mức sống của gia đình người có công; chăm sóc, bảo vệ người cao tuổi, người khuyết tật và trẻ em. Tăng cường, nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và thực hiện tốt các chính sách dân tộc, tôn giáo.

Cơ quan lãnh đạo: Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Cơ quan tham mưu, thực hiện: Đảng ủy UBND tỉnh, các cấp ủy, tổ chức đảng.

Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030.

k) Quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu

Triển khai cơ chế, chính sách, quy hoạch về quản lý tổng hợp, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm pháp luật về tài nguyên, môi

trường. Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và sử dụng đất đai, tài nguyên, khoáng sản quan trọng, nhất là tài nguyên biển, đất hiếm. Phát triển kinh tế rừng bền vững, nâng cao giá trị lâm sản gắn với khoa học, công nghệ, phục hồi tài nguyên rừng và sinh kế người dân. Phát triển mạnh ngành công nghiệp môi trường, thúc đẩy xã hội hoá công tác bảo vệ môi trường. Chủ động ứng phó với thiên tai; bảo đảm an ninh nguồn nước, an toàn đập, hồ chứa nước. Cải thiện tình trạng ô nhiễm môi trường ở các đô thị, cụm công nghiệp, làng nghề, lưu vực sông và khu vực nông thôn. Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ trong xử lý rác thải.

Bảo vệ, phục hồi các hệ sinh thái, nhất là sinh thái rừng, sinh thái đất ngập nước, sinh thái biển, các khu bảo tồn thiên nhiên. Thực hiện tốt quy hoạch không gian biển quốc gia, xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu, cơ chế quản lý tổng hợp về biển, đảo. Tăng cường nghiên cứu, ứng dụng khoa học, công nghệ, điều tra tài nguyên, môi trường biển; nâng cao năng lực dự báo và giám sát môi trường biển.

Thực hiện điều tra, đánh giá, phân loại tài nguyên và xây dựng cơ sở dữ liệu về tài nguyên du lịch của tỉnh Quảng Ngãi để tạo cơ sở cho công tác quản lý và khai thác, sử dụng tài nguyên hợp lý phục vụ phát triển du lịch.

Cơ quan lãnh đạo: Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Cơ quan tham mưu, thực hiện: Đảng ủy UBND tỉnh, các cấp ủy, tổ chức đảng.

Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030.

l) Củng cố, tăng cường quốc phòng, an ninh; bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, tự cường, hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, đa phương hoá, đa dạng hoá

Bảo đảm và bảo vệ cao nhất lợi ích quốc gia - dân tộc, kiên quyết, kiên trì bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; bảo vệ vững chắc an ninh quốc gia, an ninh chế độ, an ninh con người, an ninh kinh tế, an ninh dữ liệu, an ninh mạng, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực...; ngăn ngừa, đẩy lùi từ sớm các nhân tố gây mất ổn định chính trị từ bên trong; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; giữ vững và củng cố môi trường hoà bình, ổn định để xây dựng, phát triển đất nước. Xây dựng thế trận bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội rộng khắp, đa tầng trong hoạt động kinh tế; coi an ninh quốc gia là một động lực phát triển kinh tế, chú trọng bảo đảm an ninh kinh tế, công nghệ, năng lượng và chuỗi cung ứng. Triển khai hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế sâu rộng, toàn diện, hiệu quả.

Cơ quan lãnh đạo: Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Cơ quan tham mưu, thực hiện: Đảng ủy UBND tỉnh, các cấp ủy, tổ chức đảng.

Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030.

2. Nhiệm vụ, giải pháp điều hành tài chính ngân sách giai đoạn 2026 - 2030

a) Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực canh tranh cấp tỉnh. Tiếp tục triển khai đồng bộ, hiệu quả các giải pháp nhằm hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển kinh tế - xã hội. Hoàn thiện hệ thống hạ tầng trong các khu kinh tế, khu công nghiệp.

Tăng cường huy động các nguồn lực cho đầu tư phát triển nền kinh tế. Khuyến khích và tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế, kể các đầu tư nước ngoài tham gia đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng, nhất là khu vực nông nghiệp nông thôn. Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, khai thác hiệu quả không gian phát triển mới, phát triển đô thị và đẩy mạnh xây dựng nông thôn mới.

b) Tổ chức thực hiện tốt Luật ngân sách nhà nước, Luật Quản lý thuế và các văn bản khác, nhiệm vụ thu ngân sách nhà nước theo Nghị quyết của Quốc hội. Quyết liệt thực hiện công tác thu ngân sách nhà nước, phấn đấu hoàn thành dự toán thu được giao ở mức cao nhất. Đảm bảo bao quát toàn bộ nguồn thu, nâng cao năng lực hoạt động quản lý thuế để phòng, chống trốn thuế, thất thu và nợ thuế, thực hiện quản lý thuế điện tử, quản lý rủi ro, bảo vệ quyền lợi hợp pháp cũng như tạo môi trường thuận lợi, rõ ràng, minh bạch để người nộp thuế thực hiện nghĩa vụ. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra thuế, xử lý nợ đọng thuế, bảo đảm thu đúng, đủ, kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào ngân sách nhà nước. Các cơ quan chức năng phối hợp chặt chẽ trong quản lý thu, chống thất thu, ngăn chặn có hiệu quả các hành vi buôn lậu, gian lận thương mại, sản xuất, kinh doanh hàng giả, chuyển giá, trốn, lậu thuế, phát hiện kịp thời các trường hợp kê khai không đúng, không đủ, gian lận thuế. Chỉ đạo theo dõi, nắm bắt tình hình, bám sát kế hoạch xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp có số thu lớn để kịp thời tháo gỡ khó khăn vướng mắc, tạo thuận lợi cho hoạt động xuất nhập khẩu và đồng hành cùng doanh nghiệp. Tiếp tục đẩy mạnh chuyển đổi số, điện tử hóa, kết nối đồng bộ cơ sở thông tin dữ liệu ngành thuế với hệ thống dữ liệu của các cơ quan quản lý nhà nước khác để tăng cường hiệu quả quản lý nguồn thu, nhất là các nguồn thu từ đất đai, tài nguyên, khoáng sản.

c) Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục đẩy mạnh khai thác nguồn thu từ quỹ đất, tiếp tục rà soát quỹ đất trên địa bàn, thực hiện tốt công tác đo đạc, thu hồi, giao thuê đất, chuyển quyền, chuyển mục đích sử dụng đất; tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng, đẩy mạnh việc khai thác quỹ đất để thực hiện các dự án khu dân cư, dự án khu du lịch... Xây dựng và hoàn thiện giá các loại đất trên địa bàn theo lộ trình tiến đến sát với giá thị trường. Tăng cường quản lý và khai thác có hiệu quả các khoản thu từ đất và nguồn thu từ các khu công nghiệp và khu kinh tế. Triển khai hiệu quả công tác đấu giá quyền sử dụng đất và thu tiền sử dụng đất đối với các dự án thu tiền sử dụng đất để tạo nguồn thu lớn cho tỉnh; kiên quyết xử lý thu hồi các dự án chậm triển khai mà không có lý do chính đáng, các dự án không thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của Luật thuế hiện hành.

d) Tiếp tục thực hiện đồng bộ các giải pháp về thu hút đầu tư các dự án trọng điểm vào tỉnh, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư nhằm đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án đã được khởi công, xúc tiến các công việc liên quan đến triển khai các dự án; đẩy nhanh công tác đền bù giải phóng mặt bằng, thực hiện đúng các cam kết đã ký với các nhà đầu tư. Thực hiện các biện pháp khuyến khích, đẩy mạnh xuất khẩu, nhất là các mặt hàng có giá trị cao của tỉnh.

e) Nâng cao hiệu quả phân bổ, quản lý và sử dụng các nguồn lực tài chính; đẩy mạnh cơ cấu lại chi đầu tư công gắn với hiệu quả, hiệu lực phân bổ, giải ngân vốn đầu tư công, cải thiện vai trò dẫn dắt, vốn ban đầu của nguồn lực ngân sách nhà

nước, đẩy mạnh thu hút các nguồn lực vốn đầu tư ngoài ngân sách nhà nước để tăng nguồn lực đầu tư toàn xã hội, tập trung bố trí vốn cho các công trình, dự án quan trọng, cấp thiết có tính lan tỏa, tác động nhanh đến phát triển các ngành, lĩnh vực, địa bàn để hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn. Tiếp tục đổi mới phương thức quản lý chi thường xuyên, đẩy mạnh cơ chế khoán, đấu thầu, đặt hàng, tăng cường phân cấp, trao quyền tự chủ, khuyến khích sử dụng nguồn lực phù hợp với đặc thù của từng đơn vị, địa phương trong sử dụng ngân sách nhà nước; tăng cường nguồn lực chi đầu tư phát triển con người nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy tăng năng suất lao động, đảm bảo nguồn lực tiếp tục thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội.

g) Đẩy mạnh việc quản lý, điều hành tài chính ngân sách theo kế hoạch trung hạn; thực hiện quản lý chi ngân sách nhà nước trong phạm vi dự toán. Tiếp tục cơ cấu lại chi ngân sách nhà nước, đảm bảo bố trí đủ nguồn để thanh toán trả nợ đầy đủ, đúng hạn các khoản vay của chính quyền địa phương.

h) Thực hiện điều hành ngân sách chủ động, tích cực, đảm bảo cân đối ngân sách các cấp, chủ động rà soát, sắp xếp các nhiệm vụ chi; quản lý chặt chẽ, chi trong phạm vi dự toán được giao; yêu cầu các chủ đầu tư tập trung thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, của UBND tỉnh. Phân cấp thu, chi cho từng cấp ngân sách trên tinh thần Luật ngân sách nhà nước, tăng tính chủ động của từng cấp trong cân đối ngân sách, tăng sự quan tâm bồi dưỡng khai thác các nguồn thu trên địa bàn để đáp ứng nhu cầu chi. Gắn việc quản lý, điều hành các nhiệm vụ chi với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của mỗi cấp chính quyền.

i) Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công, thực hiện giao quyền tự chủ toàn diện cho khu vực sự nghiệp công lập trên cơ sở tính đúng, tính đủ giá dịch vụ công theo lộ trình, đảm bảo công khai, minh bạch. Nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước; bảo toàn, phát triển vốn và các nguồn lực Nhà nước giao; đảm bảo việc cung ứng các sản phẩm, dịch vụ thiết yếu nhằm đáp ứng nhu cầu của xã hội; nâng cao hiệu lực công tác quản lý, giám sát của cơ quan nhà nước. Tiếp tục rà soát kế hoạch cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước tại doanh nghiệp, đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật; thúc đẩy công khai, minh bạch thông tin và tăng cường trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp.

k) Trong điều kiện ngân sách còn khó khăn, tận dụng tối đa công năng sử dụng các trụ sở làm việc hiện có; hạn chế tối đa việc xây dựng trụ sở, trung tâm hành chính mới.

h) Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính ngân sách nhà nước, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra phòng chống tham nhũng, lãng phí. Đẩy mạnh cải cách hành chính, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tinh giảm biên chế theo quy định của Trung ương.

Cơ quan lãnh đạo: Ban Thường vụ tỉnh ủy.

Cơ quan tham mưu, thực hiện: Đảng ủy UBND tỉnh, các cấp ủy, tổ chức đảng.

Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030.

3. Nhiệm vụ, giải pháp vay trả nợ công

Kiểm soát chặt chẽ nợ công trong giới hạn cho phép của địa phương. Tăng cường quản lý, giám sát chặt chẽ đầu tư công. Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn vay, chỉ tập trung cho các công trình, dự án trọng điểm, thật sự có hiệu quả và đảm bảo được khả năng cân đối nguồn vốn trả nợ. Đồng thời ưu tiên bố trí nguồn kinh phí trả nợ gốc, nợ lãi các khoản vay của tỉnh. Để chủ động quản lý nợ công, trả nợ vay đến hạn cần rà soát, chỉ tập trung cho các công trình, dự án trọng điểm, thực sự có hiệu quả, đảm bảo khả năng cân đối nguồn trả nợ các dự án đề xuất vay mới trước khi trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt; tính toán chi tiết các khoản vay đến hạn phải trả để ưu tiên bố trí nguồn vốn trả nợ theo kế hoạch của Trung ương giao. Thực hiện công khai hóa, minh bạch hóa thông tin về đầu tư; tăng cường thẩm quyền và năng lực của hệ thống giám sát đối với đầu tư công.

Cơ quan lãnh đạo: Ban Thường vụ tỉnh ủy.

Cơ quan tham mưu, thực hiện: Đảng ủy UBND tỉnh, các cấp ủy, tổ chức đảng.

Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030.

4. Nhiệm vụ, giải pháp đầu tư công trung hạn

a) Đối với ngân sách Trung ương: Bố trí theo quy định của Luật Đầu tư công, trong đó tập trung ưu tiên bố trí cho các Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án trọng điểm, liên vùng có ý nghĩa thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, các chương trình, dự án theo Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh và các dự án cần thiết, cấp bách khác. Dự phòng chung kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 là 10%.

b) Đối với ngân sách địa phương (ngân sách tỉnh, xã, phường, đặc khu): Địa phương chủ động quyết định đầu tư theo quy hoạch và khả năng cân đối nguồn lực, phục vụ tốt nhất các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn theo tinh thần "địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm". Quán triệt nguyên tắc bố trí vốn tập trung, không dàn trải, giảm số lượng dự án tối thiểu 30% so với giai đoạn 2021 - 2025, ưu tiên bố trí cho các dự án có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Bảo đảm bố trí đủ vốn ngân sách địa phương tham gia các chương trình mục tiêu quốc gia và các dự án trọng điểm được Trung ương hỗ trợ đầu tư trên địa bàn, bố trí đủ vốn ngân sách địa phương tham gia các dự án sử dụng nhiều nguồn vốn theo cam kết.

c) Thực hiện đầy đủ các quy định của Trung ương về đầu tư công. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa đầu tư công với đầu tư xã hội. Hợp tác, vay vốn nước ngoài, vốn trái phiếu dài hạn, vốn của Nhân dân, doanh nghiệp, kết hợp với ngân sách nhà nước để triển khai các dự án lớn.

Cơ quan lãnh đạo: Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

Cơ quan tham mưu, thực hiện: Đảng ủy UBND tỉnh, các cấp ủy, tổ chức đảng.

Thời gian thực hiện: Giai đoạn 2026 - 2030.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng tổ chức tuyên truyền, quán triệt và chỉ đạo tổ chức

thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Chương trình hành động này bảo đảm tiến độ, chất lượng, hiệu quả, góp phần thực hiện thắng lợi Kết luận số 18-KL/TW, gắn với triển khai hiệu quả Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời cập nhật và bổ sung các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp vào chương trình, kế hoạch thực hiện nghị quyết đảng bộ các cấp, phù hợp với đặc điểm tình hình và điều kiện thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị; thường xuyên lãnh đạo, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện.

2. Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh lãnh đạo Hội đồng nhân dân tỉnh kịp thời ban hành các giải pháp, chính sách và bố trí đủ nguồn lực để thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội; tăng cường hoạt động giám sát việc thực hiện theo quy định, phân bổ ngân sách hằng năm phù hợp, đáp ứng yêu cầu phát triển.

3. Đảng ủy UBND tỉnh lãnh đạo UBND tỉnh nghiên cứu, rà soát các giải pháp huy động các nguồn lực, động lực mới cho tăng trưởng; tổ chức thực hiện kịp thời, linh hoạt, hiệu quả, hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ đã đề ra; xây dựng Kế hoạch với các nhiệm vụ, giải pháp, lộ trình phù hợp và phân công cụ thể trách nhiệm cho các cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch; định kỳ tham mưu sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

4. Ban Tuyên giáo và Dân vận Tỉnh ủy hướng dẫn công tác tuyên truyền, quán triệt Kết luận 18-KL/TW và Kế hoạch này trong toàn Đảng bộ.

5. Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền, vận động, tập hợp đoàn viên, hội viên, Nhân dân tích cực phát động và hưởng ứng các phong trào thi đua yêu nước; phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030.

6. Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Đảng ủy UBND tỉnh, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện Chương trình hành động này; báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy theo định kỳ hàng năm.

T/M TỈNH ỦY
PHÓ BÍ THƯ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TỈNH ỦY QUẢNG NGÃI

U Huấn

Nơi nhận:
- Bộ Chính trị, Ban Bí thư (báo cáo),
- Các ban đảng Trung ương (báo cáo),
- Các vụ địa phương của các ban đảng Trung ương (báo cáo),
Các đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- Đảng ủy Hội đồng nhân dân tỉnh,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Đảng ủy xã, phường, đặc khu,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- VPTU: PCVP, P.Tổng hợp,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

Phụ lục 01

CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU GIAI ĐOẠN 2026-2030

(Kèm theo Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 21/5/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi)

---

1. Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu theo Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch đến năm 2030	Bình quân giai đoạn 2026-2030	Cấp ủy, cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
A	**Chỉ tiêu kinh tế**				
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) giá so sánh 2010	%/năm		10,0	Thống kê tỉnh
2	Năng suất lao động xã hội (giá so sánh 2010)	%/năm		8,5 - 9,5	nt
3	GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành)	USD	6.900 - 7.000		nt
4	Thu nhập bình quân đầu người (giá hiện hành)	%/năm		9,0 - 10,0	nt
5	Tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ trong GRDP chiếm khoảng	%	75 - 76		nt
	Trong đó: công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng	*%*	*44 - 45*		nt
6	Tỷ trọng kinh tế số trong GRDP đạt tối thiểu	%	30		Sở Khoa học và công nghệ
7	Vốn đầu tư thực hiện trên địa bàn trong 5 năm đạt ít nhất	Tỷ đồng	560.000		Thống kê tỉnh
B	**Chỉ tiêu văn hóa - xã hội**				
8	- Số bác sĩ/1 vạn dân	Người	13,1		Sở Y tế
	- Số giường bệnh/vạn dân (không tính giường trạm y tế xã)	Gường	37,5		
9	Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia				Sở Giáo dục và Đào tạo
	- Mầm non có ít nhất	%	65,19		
	- Trường phổ thông có ít nhất	%	80		
10	Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội dưới	%	38,7		Sở Nội vụ
11	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ trên	%	30,6		Sở Nội vụ
12	Đến năm 2030, phấn đấu cơ bản không còn hộ nghèo	hộ	Không còn hộ nghèo		Sở Nông nghiệp và Môi trường
C	**Chỉ tiêu môi trường - đô thị**				
13	Duy trì tỷ lệ độ che phủ rừng ổn định ở mức	%	60,0		Sở Nông nghiệp và Môi trường

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch đến năm 2030	Bình quân giai đoạn 2026-2030	Cấp ủy, cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
14	Tỷ lệ đô thị hóa đạt trên	%	38,0		Sở Xây dựng
D	**Chỉ tiêu quốc phòng, an ninh**				
15	Xây dựng đơn vị hành chính cấp xã vững mạnh về quốc phòng, an ninh	%	100,0		Bộ CHQS tỉnh
	Trong đó: Vững mạnh toàn diện	*%*	*70,0*		
16	Xây dựng khu dân cư, đơn vị hành chính cấp xã, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục đạt tiêu chuẩn "An toàn về an ninh trật tự" hàng năm đạt ít nhất	%	80,0		Công an tỉnh

2. Một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội của ngành, lĩnh vực khác

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch đến năm 2030	Bình quân giai đoạn 2026-2030	Cấp ủy, cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
1	Tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) giá hiện hành	Tỷ đồng	280.279,4		Thống kê tỉnh
2	Cơ cấu				Thống kê tỉnh
-	*Nông, lâm nghiệp và thủy sản*	*%*	*14,8*		*nt*
-	*Công nghiệp - Xây dựng*	*%*	*44,7*		*nt*
-	*Dịch vụ*	*%*	*31,1*		*nt*
-	*Thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm*	*%*	*9,4*		*nt*
3	Tỷ lệ vốn đầu tư trên địa bàn so với GRDP	%	37,6		nt
4	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ (giá hiện hành)	Tỷ đồng	220.000	10,5%/năm	Sở Công Thương
5	Xuất nhập khẩu				Sở Công Thương
-	*Tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa*	*Triệu USD*	*4.470*		*nt*
-	*Tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa*	*Triệu USD*	*10.100*		*nt*
6	Số doanh nghiệp hoạt động trong nền kinh tế đến năm 2030	Doanh nghiệp	19.500		Sở Tài chính
7	Tốc độ tăng trưởng bình quân kinh tế tư nhân của tỉnh hằng năm	%/năm		10 - 12	Sở Tài chính
8	Thu nhập bình quân đầu người (theo giá hiện hành) 01 tháng	Nghìn đồng	6.800		Thống kê tỉnh
9	Dân số trung bình	Nghìn người	1.998,6		Thống kê tỉnh
10	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh	Tuổi	75,5		Sở Y tế
11	Chỉ số phát triển con người (HDI)		0,777		Thống kê tỉnh

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch đến năm 2030	Bình quân giai đoạn 2026-2030	Cấp ủy, cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
12	Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên	Nghìn người	1.093,2		Sở Nội vụ
13	Lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế	Nghìn người	1.078,8		Sở Nội vụ
14	Tỷ lệ thất nghiệp	%	1,65		Sở Nội vụ
-	*Tỷ lệ lao động thất nghiệp ở thành thị*	*%*	*1,68*		*nt*
15	Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế	%	Bao phủ bảo hiểm y tế toàn dân		Sở Y tế/ BHXH tỉnh
16	Tỷ lệ dân số đô thị dùng nước sạch	%	100		Sở Xây dựng
17	Tỷ lệ dân số nông thôn được cung cấp nước hợp vệ sinh	%	100		Sở Nông nghiệp và Môi trường
-	*Trong đó: sử dụng nước sạch*	*%*	*70*		*nt*
18	Lũy kế số xã đạt chuẩn nông thôn mới	xã	56		Sở Nông nghiệp và Môi trường
19	Tỷ lệ chất thải nguy hại (rắn, lỏng) được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia	%	98,0		Sở Nông nghiệp và Môi trường
20	Tỷ lệ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt ở đô thị	%	95,0		Sở Nông nghiệp và Môi trường
21	Tỷ lệ xử lý chất thải rắn y tế đạt tiêu chuẩn	%	100,0		Sở Y tế
22	Số Khu công nghiệp có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn môi trường	Khu CN	8		Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi
23	Tỷ lệ cây xanh đô thị	m^2/ người	15,00		Sở Xây dựng
24	Tỷ lệ hộ sử dụng điện	%	99,990		Sở Công Thương

Phụ lục số 02

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 05 NĂM GIAI ĐOẠN 2026-2030 CỦA TỈNH

(Kèm theo Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 21/5/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi)

.....

ĐVT: Tỷ đồng.

TT	Nội dung	Kế hoạch giai đoạn 2026-2030	Cấp ủy, cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
A	**TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN**	**192.564,3**	**Sở Tài chính**
I	**Thu nội địa**	**132.469,6**	**nt**
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)	*68.8*	*nt*
	Trong đó: Thu tiền sử dụng đất	*15.728*	*nt*
	Thu xổ số kiến thiết	*1.468*	*nt*
II	**Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu (nếu có)**	**59.835,2**	**nt**
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)	*31,07*	*nt*
III	**Thu viện trợ (nếu có)**		**nt**
	Tỷ trọng trong tổng thu NSNN trên địa bàn (%)		*nt*
B	**TỔNG THU NSĐP**	**218.700,7**	**nt**
I	**Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp**	**124.837,9**	**nt**
	Trong đó:		*nt*
	+ Thu NSĐP hưởng 100%		*nt*
	+ Thu NSĐP hưởng từ các khoản theo phân chia		*nt*
II	**Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên**	**91.817,4**	**nt**
	Thu bổ sung cân đối ngân sách	20.858,7	nt
C	**TỔNG CHI NSĐP**	**218.700,7**	**Sở Tài chính**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**82.420,5**	**nt**
II	**Chi thường xuyên**	**129.575,8**	**nt**
III	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**	**81,7**	**nt**
D	**BỘI CHI/BỘI THU NSĐP**	**259,4**	**nt**
Đ	**TỔNG MỨC VAY, TRẢ NỢ CỦA NSĐP**	**280,9**	**nt**
I	**Hạn mức dư nợ vay tối đa của NSĐP**		**nt**
II	**Mức dư nợ đầu kỳ (năm)**	**223,8**	**nt**
	Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ (năm) so với mức dư nợ vay tối đa của NSĐP (%)		*nt*
III	**Trả nợ gốc vay trong kỳ (năm)**	**119,9**	**nt**
	Từ nguồn vay để trả nợ gốc		nt
	Từ nguồn bội thu NSĐP; tăng thu, tiết kiệm chi; kết dư ngân sách cấp tỉnh	119,9	nt
IV	**Tổng mức vay trong kỳ (năm)**	**280,9**	**nt**
	Vay để bù đắp bội chi		nt
V	**Mức dư nợ cuối kỳ (năm)**	**384,8**	**nt**
	Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ (năm) so với mức dư nợ vay tối đa của NSĐP (%)		nt

Phụ lục số 03

NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2026 ĐỂ THỰC HIỆN MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG "2 CON SỐ"

(Kèm theo Chương trình hành động số 22-CTr/TU ngày 21/5/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Nhiệm vụ	Thời hạn thực hiện/ hoàn thành	Cơ quan chủ trì tham mưu
I	**Nhóm nhiệm vụ về tập trung hoàn thiện thể chế phát triển đồng bộ, hiện đại, cạnh tranh để tạo đột phá tăng trưởng**		
1	Lập, điều chỉnh, phê duyệt các quy hoạch thuộc hệ thống quy hoạch bảo đảm đồng bộ, thống nhất với yêu cầu tăng trưởng "2 con số" *(UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 788/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 về phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050).*	Đã hoàn thành	Đảng ủy UBND tỉnh
2	Phối hợp hoàn thành các phương án và ban hành đầy đủ các quy định để xử lý triệt để khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án tồn đọng, các dự án sử dụng đất trong các kết luận thanh tra, kiểm tra, giám sát, bản án và các vi phạm pháp luật về đất đai đến trước khi Luật Đất đai 2024 có hiệu lực; các bộ, địa phương phấn đấu hoàn thành việc xử lý trong quý III/2026.	Quý III/2026	Đảng ủy UBND tỉnh
3	Phối hợp nghiên cứu, rà soát, bảo đảm hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả, thống nhất quản lý nhà nước trong lĩnh vực cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.	Quý IV/2026	Đảng ủy UBND tỉnh
4	Thiết lập cơ chế và xây dựng tiêu chí kiểm soát tiến độ triển khai dự án sử dụng đất đô thị và công nghiệp, kiên quyết xử lý các dự án chậm triển khai hoặc sử dụng đất kém hiệu quả; có chế tài và cơ chế tài chính xử lý đất bỏ hoang, kiên quyết thu hồi các dự án không triển khai theo cam kết.	Quý II/2026 (sau khi có hướng dẫn của Trung ương)	Đảng ủy UBND tỉnh
5	Hoàn thành việc cắt giảm 50% thời gian giải quyết thủ tục hành chính, 50% chi phí tuân thủ thủ tục hành chính của năm 2026 so với năm 2024 (ở Trung ương và địa phương) và phấn đấu tiếp tục cắt giảm tối thiểu 30% các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, 100% các điều kiện kinh doanh không cần thiết; nghiên cứu thiết lập cơ quan chuyên trách làm đầu mối tiếp nhận, hỗ trợ và giải quyết dứt điểm các thủ tục hành chính cho doanh nghiệp.	Quý II/2026 (sau khi có hướng dẫn của Trung ương)	Đảng ủy UBND tỉnh
II	**Nhóm nhiệm vụ về chuyển đổi mô hình tăng trưởng; đẩy mạnh cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực; phát triển các khu vực doanh nghiệp, các mô hình kinh tế mới**		
1	Tập trung triển khai thực hiện nghiêm các nội dung điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Ngãi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã phê duyệt.	Thường xuyên	Đảng ủy UBND tỉnh
2	Phối hợp rà soát bổ sung và giao mục tiêu tăng trưởng trên từng lĩnh vực như đầu tư, tăng trưởng các ngành và chuyển đổi số, đổi mới công nghệ… cho các sở ngành, địa phương năm 2026 và giai đoạn 5 năm.	Tháng 4/2026 (sau khi có hướng dẫn của Trung ương)	Đảng ủy UBND tỉnh

TT	Nhiệm vụ	Thời hạn thực hiện/ hoàn thành	Cơ quan chủ trì tham mưu
3	Triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp về phát triển du lịch bền vững.	Thường xuyên	Đảng ủy UBND tỉnh
4	Đẩy mạnh công tác kêu gọi, thu hút đầu tư vào Khu kinh tế Dung Quất, Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Bờ Y và các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh; ưu tiên thu hút các dự án công nghệ cao, thân thiện môi trường, các nhà đầu tư FDI lớn trong các lĩnh vực bán dẫn, trí tuệ nhân tạo (AI), đổi mới sáng tạo, năng lượng sạch.	Thường xuyên	Đảng ủy UBND tỉnh
III	**Nhóm nhiệm vụ về thúc đẩy tăng trưởng gắn với giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn, chống khủng hoảng kinh tế; khơi thông và đa dạng hoá các chuỗi cung ứng, kênh dẫn vốn**		
1	Phối hợp với Bộ Công Thương và các cơ quan liên quan xây dựng, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của Quốc hội về cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng quốc gia tại Khu kinh tế Dung Quất, tỉnh Quảng Ngãi.	Năm 2026	Đảng ủy UBND tỉnh
2	Nghiên cứu xây dựng cơ chế, chính sách đặc thù phát triển du lịch đặc khu Lý Sơn.	Năm 2026	Đảng ủy UBND tỉnh
IV	**Nhóm nhiệm vụ về tập trung phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**		
1	Triển khai cơ chế, chính sách thúc đẩy ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong các ngành, lĩnh vực nhất là nông nghiệp, doanh nghiệp vừa và nhỏ.	Sau khi Trung ương ban hành cơ chế, chính sách	Đảng ủy UBND tỉnh
2	Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu của tỉnh kết nối liên thông cơ sở dữ liệu quốc gia, có cơ chế chia sẽ dữ liệu của khu vực công cho khu vực tư.	Quý II/2026	Đảng ủy UBND tỉnh
3	Hướng dẫn, triển khai áp dụng cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) trong các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh theo quy định.	Quý II/2026	Đảng ủy UBND tỉnh
4	Xây dựng Kế hoạch của tỉnh triển khai Chiến lược Chuyển đổi trí tuệ nhân tạo quốc gia (AIX).	Sau khi Trung ương ban hành Chiến lược	Đảng ủy UBND tỉnh
V	**Nhóm nhiệm vụ về xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, đồng bộ trên nền tảng hệ giá trị quốc gia, hệ giá trị văn hoá, hệ giá trị gia đình và chuẩn mực con người Việt Nam**		
1	Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm du lịch văn hóa - lịch sử - tâm linh gắn với tham quan, tìm hiểu các di tích lịch sử - văn hóa, di tích lịch sử - cách mạng, di tích khảo cổ; đặc biệt là khai thác, phát huy và nâng tầm giá trị di sản văn hóa Sa Huỳnh, di tích Trường Lũy Quảng Ngãi; bảo tồn và phát huy các giá trị di sản văn hóa vật thể, phi vật thể, các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc và các lễ hội truyền thống đặc sắc của đồng bào dân tộc thiểu số.	Thường xuyên	Đảng ủy UBND tỉnh
VI	**Nhóm nhiệm vụ về phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; thúc đẩy đô thị hoá và phát triển đô thị, liên kết vùng**		

TT	Nhiệm vụ	Thời hạn thực hiện/ hoàn thành	Cơ quan chủ trì tham mưu
1	Phát triển hạ tầng số, nhất là hạ tầng dữ liệu.	Năm 2026	Đảng ủy UBND tỉnh
2	Hoàn thiện các thủ tục để triển khai thực hiện đầu tư các dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường bộ cao tốc Quảng Ngãi - Kon Tum; Đầu tư cải tạo, nâng cấp các đoạn còn lại từ Km32 - Km89+513, Quốc lộ 24. Tiếp tục kiến nghị Thủ tướng Chính phủ bổ sung vào quy hoạch đối với cảng hàng không Măng Đen. Tổ chức triển khai thực hiện Quy hoạch và các dự án đô thị theo kế hoạch đề ra	Năm 2026	Đảng ủy UBND tỉnh
3	Hoàn thành 1000 căn nhà ở xã hội trong năm 2026 theo chỉ tiêu được Chính phủ giao tại Nghị quyết số 7/NQ-CP ngày 07/01/2026 của Chính phủ.	Năm 2026	Đảng ủy UBND tỉnh
VII	**Nhóm nhiệm vụ, giải pháp về tài chính ngân sách, đầu tư công trung hạn**		
1	Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, đặc biệt là chi hội nghị, hội thảo, đi công tác trong và ngoài nước để tiết kiệm 10% và phấn đấu tiết kiệm thêm trên 5% chi thường xuyên, dành nguồn lực cho các nhiệm vụ an sinh xã hội, các dự án hạ tầng trọng điểm.	Năm 2026	Đảng ủy UBND tỉnh
2	Xây dựng kế hoạch đầu tư công khoa học, khả thi, phù hợp với hướng dẫn của Trung ương.	Tháng 4/2026 (sau khi có hướng dẫn của Trung ương)	Đảng ủy UBND tỉnh